

VN-Index tăng nhẹ 0,3%

Ngày báo cáo 18/5/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng nhẹ 0,3%

VN-Index tăng nhẹ 0,3% (+6,3 điểm) vào thứ Hai, chốt phiên tại 1.927,9 điểm. Toàn sàn ghi nhận 135 mã tăng, 178 mã giảm và 56 mã đi ngang. Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, đạt 26,7 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu Bất động sản vốn hóa lớn như VHM (-2,5%), VIC (-1,3%) và VRE (-2,6%) giảm điểm. Ngược lại, BCM (+4,1%) tăng mạnh.
- Nhóm Ngân hàng ghi nhận sự phân hóa khi VCB (+4,1%), BID (+5,5%), CTG (+1,4%) và LPB (+1,6%) tích cực, trong khi STB (-1,1%), ACB (-1,3%) và MBB (-0,6%) giảm.
- Các cổ phiếu Dầu khí như BSR (+5,4%), PLX (+7,0%) và PVD (+6,2%) tăng mạnh.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm doanh nghiệp tiện ích GAS (+4,0%), sản xuất cao su GVR (+4,1%), công nghệ FPT (+2,7%), dịch vụ lưu trú VPL (+2,3%), sữa VNM (+1,2%) và dịch vụ tài chính (+3,0%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- HPG và Đại Quang Minh tham gia một trong những mỏ quặng sắt lớn nhất Việt Nam sau khi nhà đầu tư Trung Quốc thoái vốn
- MCH: Doanh thu 4 tháng đầu năm 2026 tăng 16,6% YoY; tháng 4 ghi nhận tín hiệu tích cực với đà phục hồi mạnh mẽ +33% YoY
- MSN: Tăng trưởng doanh thu LFL tháng 4/2026 của WinCommerce duy trì ở mức 14%
- PC1: Đưa khuyến nghị vào diện đánh giá lại trong khi chờ thêm thông tin liên quan đến việc điều tra - Nhận định nhanh

Báo cáo trong ngày

- ACV: Tăng trưởng lượng hành khách ổn định trong khi LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi bị ảnh hưởng bởi chuyển giao PQC và mảng an ninh hàng không - Cập nhật
- VCB: Đà tăng trưởng lợi nhuận vẫn được duy trì bất chấp các rủi ro vĩ mô - Cập nhật
- VPB: Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1927,9	259,3	125,9
% Δ	0,3%	0,7%	-0,4%
- % Δ 1 tuần	1,7%	4,5%	-1,0%
- % YTD	8,0%	3,5%	4,3%
- % YOY	48,1%	18,5%	31,8%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.013,3	\$73,6	\$25,5
- TB 1 tháng (triệu)	\$917,0	\$47,2	\$22,8
- TB 1 năm (triệu)	\$1.148,7	\$81,1	\$32,1
- TB QTD	\$930,7	\$51,1	\$21,8
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-22,4%	-34,6%	-38,6%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$87,0	\$4,4	\$0,4
- Bán (triệu)	\$110,4	\$5,7	\$2,1
- GT ròng (triệu)	-\$23,3	-\$1,4	-\$1,7
Độ rộng TT			
Mã tăng	140	83	142
Mã giảm	183	70	146
Không đổi	101	151	575
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	345,9	17,3	51,9
P/E trượt 12T	14,2	11,0	16,8
LS cổ tức*	5,9%	7,3%	6,2%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.047,5	32.011	1.556,1
VN30F2M	2.049,0	5.943	22,0
VN30F1Q	2.044,8	371	0,7
VN30F2Q	2.043,5	60	0,1
VN100F1M	1.984,9	28	0,1
VN100F2M	1.982,0	13	0,0
VN100F1Q	1.971,9	12	0,0
VN100F2Q	1.971,0	9	0,0
USD/VND		26.352	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, dù xuất hiện rung lắc trong phiên, VN-Index vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 (1.915 điểm), cho thấy đà tăng tiếp tục chiếm ưu thế về cuối ngày. Theo đó, xác suất vẫn nghiêng về kịch bản tiếp tục tăng giá với mục tiêu gần là vùng 1.940 điểm. Mốc 1.915 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ trong phiên 19/05, đồng thời là ngưỡng dừng lỗ hoặc giảm tỷ trọng đối với các vị thế ngắn hạn.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

HPG và Đại Quang Minh tham gia một trong những mỏ quặng sắt lớn nhất Việt Nam sau khi nhà đầu tư Trung Quốc thoái vốn

* Mỏ đang được đề cập là mỏ quặng sắt Quý Xa tại Lào Cai, một trong những mỏ quặng sắt lớn nhất Việt Nam, với trữ lượng ban đầu khoảng 120 triệu tấn và trữ lượng còn lại khoảng 100 triệu tấn.

* Gần đây, Tỉnh ủy Lào Cai đã họp để thảo luận về một số nội dung, trong đó bao gồm việc phê duyệt nhà đầu tư mới cho dự án mỏ Quý Xa.

* Mỏ này được cấp phép vào năm 2007 cho VTM, một liên doanh Việt Nam - Trung Quốc, gồm VNSTEEL sở hữu 46,85%, LAMICO sở hữu 8,1% và Kunming Iron & Steel của Trung Quốc sở hữu 45%. Tính đến tháng 5/2026, Kunming Iron & Steel đã thoái toàn bộ vốn khỏi liên doanh này.

* Thay thế phần sở hữu 45% của nhà đầu tư Trung Quốc là CTCP Khai thác và Chế biến Kim loại Thủ Đức, được thành lập vào tháng 12/2025 với vốn điều lệ 1,2 nghìn tỷ đồng. Các cổ đông sáng lập gồm:

- CTCP Gang thép Hòa Phát: 40%, thuộc sở hữu 100% của HPG
- Ông Trần Đình Long, Chủ tịch HPG: 10%
- Ông Nguyễn Ngọc Quang, Thành viên HĐQT HPG: 5%

→ **Các bên có liên quan đến Hòa Phát nắm giữ tổng cộng 55%**

- Ông Trần Đăng Khoa, Chủ tịch Đại Quang Minh: 25%. Đại Quang Minh là nhà phát triển BĐS và là đối tác của HPG trong dự án Đại lộ ven sông Hồng tại Hà Nội.

- CTCP Đầu tư KVS: 10%
- Ông Phạm Anh Đức: 5%
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn: 5%

Thông tin thêm về mỏ Quý Xa:

* Mỏ có trữ lượng khoảng 120 triệu tấn và đã được cấp phép cho VTM.

* Trong giai đoạn 2007-2020, hoạt động khai thác kém hiệu quả, với chỉ khoảng 20 triệu tấn quặng được khai thác, tương đương dưới 20% tổng trữ lượng, để lại khoảng 100 triệu tấn chưa được khai thác. Liên doanh này cũng vướng các vi phạm liên quan đến quy định quản lý tài sản nhà nước, dẫn đến các cuộc điều tra hình sự đối với những cá nhân liên quan, cùng với KQKD yếu và khoản nợ vay lớn ở mức 6,5 nghìn tỷ đồng.

* Hoạt động khai thác đã dừng lại vào năm 2022 do giấy phép khai thác hết hạn; đến nay, giấy phép mới vẫn chưa được cấp.

* Đầu năm 2026, theo truyền thống địa phương, HPG đã đề xuất mua lại toàn bộ khoản nợ 6,5 nghìn tỷ đồng của VTM để đổi lấy quyền khai thác mỏ. Đề xuất này sẽ giúp xử lý các nghĩa vụ nợ còn tồn đọng, duy trì hơn 2.000 việc làm và đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương.

* Theo giấy phép cũ, mỏ có công suất khai thác hằng năm là 3 triệu tấn.

Quan điểm của chúng tôi:

* Chúng tôi đánh giá đây là diễn biến tích cực. Tuy nhiên, mỏ cần được cấp giấy phép mới trước khi có thể đóng góp vào nguồn nguyên liệu đầu vào của HPG. Hiện chưa có thời gian cụ thể hoặc chi tiết tài chính nào liên quan đến thương vụ này. Cần lưu ý rằng đề xuất được đưa ra vào đầu năm 2026 như đã nêu ở trên mới chỉ là đề xuất và chưa phải là cấu trúc giao dịch cuối cùng.

* Khi đi vào hoạt động, mỏ này sẽ giúp tăng nguồn cung quặng sắt trong nước cho HPG, qua đó cải thiện khả năng kiểm soát chi phí sản xuất, giảm áp lực logistics và giảm rủi ro tỷ giá nhờ cắt giảm sự phụ thuộc vào quặng nhập khẩu định giá bằng USD.

MCH: Doanh thu 4 tháng đầu năm 2026 tăng 16,6% YoY; tháng 4 ghi nhận tín hiệu tích cực với đà phục hồi mạnh mẽ +33% YoY

* **Doanh thu:** Doanh thu 4 tháng đầu năm 2026 (4T 2026) đạt 10.584 tỷ đồng (+16,6% YoY), hoàn thành 30% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi là 35.278 tỷ đồng — phù hợp với kỳ vọng vì mùa cao điểm của MCH thường rơi vào quý 4. Doanh thu tháng 4 tăng mạnh 32,6% YoY, cho thấy tín hiệu tích cực. Chúng tôi lưu ý rằng quý 2/2025 là mức nền so sánh thấp khi doanh thu giảm khoảng 15% YoY trong quý do MCH giảm mức độ phụ thuộc vào các kênh bán sỉ, qua đó làm nổi bật hơn số liệu tăng trưởng của tháng 4; tuy nhiên, biên độ phục hồi lớn vẫn cho thấy động lực tăng trưởng thực tế đến từ việc triển khai mô hình bán trực tiếp cho nhà bán lẻ.

* **Ngành hàng gia vị:** Doanh thu ngành hàng gia vị tăng 23,0% YoY trong 4T 2026, đạt 3.882 tỷ đồng, đảo chiều mạnh mẽ so với mức giảm lần lượt là 7% và 6% trong cả năm 2025 và quý 4/2025. Mức sụt giảm của năm 2025 tập trung chủ yếu vào giai đoạn quý 2 - quý 4 (giảm tổng cộng 13% YoY) sau quý 1 tăng trưởng mạnh (+16%). Trong 4T 2026, ngành hàng này đóng góp 37% tổng doanh thu. MCH đã phục hồi sau những thông tin tiêu cực lan truyền sai lệch về sản phẩm nước mắm của công ty, cùng với sự phục hồi nhờ mô hình bán trực tiếp cho nhà bán lẻ.

* **Các ngành hàng khác:** Thực phẩm tiện lợi tăng 11,2% YoY lên 3.069 tỷ đồng (so với mức +2% trong năm tài chính 2025). Hóa mỹ phẩm tăng mạnh với mức +37,5% YoY, đạt 810 tỷ đồng (so với mức +8% trong năm tài chính 2025), nhờ các sản phẩm cải tiến mới được mở rộng quy mô từ giai đoạn thử nghiệm tại chuỗi WCM sang kênh truyền thống (GT). Màng và phê tăng 11,3% YoY lên 610 tỷ đồng. Đồ uống đóng chai ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất ở mức +7,7% YoY, đạt 1.556 tỷ đồng — ban lãnh đạo cho biết Retail Supreme sẽ đẩy mạnh triển khai kênh tiêu dùng tại chỗ từ tháng 3 nhằm cải thiện tình hình của mảng này. Mảng kinh doanh quốc tế tăng 13,6% YoY, đạt 559 tỷ đồng.

*** Hệ thống phân phối — Chiến lược Retail Supreme đặt mục tiêu đóng góp 30-40% tăng trưởng doanh thu và tiếp tục mở rộng quy mô trên bốn phương diện:**

1. Độ phủ: Đạt khoảng 450.000 điểm bán đang hoạt động (ASO) (+94% YoY) trên cả kênh tiêu dùng tại chỗ và mang về, so với mục tiêu ASP năm 2026 là 1 triệu điểm bán;
2. Độ thâm nhập: Khoảng 29.000 ASO hiện đã kinh doanh toàn bộ danh mục sản phẩm của MCH (+50% YoY), so với mục tiêu là 100.000 ASO;
3. Độ sâu danh mục: Đạt khoảng 4,8 SKU/đơn hàng (+40% YoY), so với mục tiêu là 7,0 SKU;
4. Hiệu quả triển khai: Khoảng 63.000 ASO đạt tiêu chuẩn "Cửa hàng hoàn hảo" (đúng vị trí, đúng diện tích trưng bày và đúng danh mục hàng hóa), so với mục tiêu là 350.000 ASO;

5. Retail Supreme đã mở rộng triển khai sang kênh tiêu dùng tại chỗ từ tháng 3, giúp ngành hàng đồ uống đóng chai đón đầu nhu cầu trong mùa cao điểm sắp tới và đặt nền tảng cho sự phục hồi của toàn ngành hàng trong giai đoạn còn lại của năm 2026.

* Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG đối với MCH, với mức giá mục tiêu là 181.700 đồng/cổ phiếu.

MSN: Tăng trưởng doanh thu LFL tháng 4/2026 của WinCommerce duy trì ở mức 14%

* Doanh thu: Doanh thu thuần tháng 4/2026 tăng 27% YoY (LFL +14%). Đối với 4 tháng đầu năm 2026 (4T 2026), doanh thu tăng 29% YoY (LFL +14%) lên mức 15,0 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 32% dự báo cả năm của chúng tôi và vượt kỳ vọng.

* Cửa hàng mới: WCM vận hành 4.940 cửa hàng trên toàn quốc tính đến cuối tháng 4/2026, mở thêm 348 cửa hàng mới trong 4T 2026. WCM đặt mục tiêu mở mới 1.000-1.500 cửa hàng trong năm 2026. Khu vực miền Bắc và miền Trung lần lượt chiếm 78% và 22% tổng số lượng cửa hàng mở mới. Ban lãnh đạo lưu ý rằng 98% số cửa hàng này đã đạt EBITDA dương ở cấp độ cửa hàng.

* Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với MSN, với mức giá mục tiêu là 101.200 đồng/cổ phiếu.

PC1: Đưa khuyến nghị vào diện đánh giá lại trong khi chờ thêm thông tin liên quan đến việc điều tra - Nhận định nhanh

* Ngày 17/05/2026, PC1 công bố đã nhận được thông báo chính thức từ Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Bộ Công an liên quan đến việc khởi tố và/hoặc tạm giam 4 trong số 5 thành viên HĐQT. Chi tiết được trình bày trong phần sau của báo cáo này.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Sự việc này cho thấy rủi ro nghiêm trọng về quản trị, công bố thông tin, ban lãnh đạo và kế toán đối với PC1. Điều này có khả năng tác động trọng yếu đến triển vọng hoạt động kinh doanh cốt lõi – xây lắp điện. Trong ngắn hạn, cần tập trung theo dõi việc khôi phục chức năng của HĐQT, kết quả ĐHCĐ bất thường, các thông tin cập nhật chính thức tiếp theo từ Công ty hoặc các cơ quan có thẩm quyền, và việc công bố Báo cáo tài chính Quý 1/2026.

* Do đó, chúng tôi đưa khuyến nghị đối với PC1 vào diện đánh giá lại. Giá mục tiêu gần nhất của chúng tôi là 30.500 đồng/cổ phiếu và khuyến nghị gần nhất là MUA, được công bố trong Báo cáo cập nhật ngày 02/02/2026. Các dự báo và khuyến nghị trước đây của chúng tôi đối với cổ phiếu hiện không còn hiệu lực và không nên được sử dụng làm cơ sở tham khảo.

Chi tiết về vụ điều tra:

* PC1 đã nhận được Công văn ngày 15/5/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an. Cơ quan này đã ra các Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với 7 cá nhân là người nội bộ của Công ty để điều tra. 7 cá nhân và lý do điều tra được nêu như sau:

+ **Ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT:** đã có hành vi Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng và Tham ô tài sản.

+ Ông Vũ Ánh Dương – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc: đã có hành vi Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng và Tham ô tài sản.

+ Ông Nguyễn Minh Đệ – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc PC1, đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Cột thép Đông Anh: đã có hành vi Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng và Tham ô tài sản.

+ Bà Trần Thị Minh Việt – Kế toán trưởng: đã có hành vi Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng và Tham ô tài sản.

- + Ông Võ Hồng Quang – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc: đang áp dụng biện pháp tạm giam.
- + Ông Đặng Quốc Tường – Phó Tổng giám đốc: đang áp dụng biện pháp tạm giam.
- + Ông **Trịnh Ngọc Anh** – Phó Tổng giám đốc PC1, đồng thời là **Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Tấn Phát: đã có hành vi Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng.**
- * **PC1 cũng cho biết việc công bố Báo cáo tài chính Quý I/2026 đã bị chậm trễ**, do các nhân sự phụ trách phê duyệt Báo cáo tài chính phải phối hợp làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra và đến nay đã bị khởi tố, tạm giam.
- * **Ban kiểm soát đã ra nghị quyết triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong tháng 7/2026**, với ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 04/6/2026. Nội dung họp bao gồm bầu bổ sung thành viên HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có). Hiện có 4 thành viên HĐQT đã bị tạm giam, chỉ còn lại 01 thành viên HĐQT (ông Phan Ngọc Hiếu). Số lượng này thấp hơn số thành viên tối thiểu theo quy định (03 thành viên) và khiến HĐQT không đủ điều kiện tổ chức họp HĐQT để triệu tập ĐHĐCĐ bất thường. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

ACV: Tăng trưởng lượng hành khách ổn định trong khi LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi bị ảnh hưởng bởi chuyển giao PQC và mảng an ninh hàng không - Cập nhật

Ngành	Hàng không		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	18/05/2026	TT Doanh thu	15%	6%	19%	13%
Giá hiện tại	45.100 VND	TT EPS *	5%	-3%	-66%	74%
Giá mục tiêu	48.000 VND	Biên LN gộp	60,3%	58,5%	37,9%	40,9%
Giá mục tiêu gần nhất	50.100 VND	Biên LN ròng	48,1%	45,7%	18,8%	24,5%
TL tăng	+6,4%	EV/EBITDA	11,0x	10,5x	8,9x	7,9x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E*	16,6x	17,2x	50,4x	28,9x
Tổng mức sinh lời	+6,4%	P/B	2,3x	2,0x	1,8x	1,8x
Lưu ý: (*) Không bao gồm lợi nhuận từ mảng TO/L và an ninh hàng không.						
GT vốn hóa	155,2 nghìn tỷ đồng		ACV	VNI		
Room KN	73,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	16,8x	15,5x		
GTGD/ngày (30n)	34,2 tỷ đồng	P/B (hiện tại)	2,2x	2,2x		
Cổ phần Nhà nước	95,4%	ROA	14,0%	2,2%		
SL cổ phiếu lưu hành	3,6 tỷ	ROE	18,0%	15,1%		
Pha loãng	3,6 tỷ					

- * Chúng tôi giảm 4% giá mục tiêu nhưng tiếp tục duy trì khuyến nghị **PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG** đối với Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV).
- * Mức giá mục tiêu thấp hơn chủ yếu phản ánh việc loại trừ lợi nhuận từ mảng an ninh hàng không ra khỏi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi của chúng tôi (không bao gồm dịch vụ cất/hạ cánh và an ninh hàng không) sau khi mảng kinh doanh trên được chuyển giao cho Bộ Công an, một phần được bù đắp bằng việc chúng tôi cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2027.
- * Chúng tôi giảm 11% dự báo tổng LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi giai đoạn 2026–2038, trong khi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo phần lớn không thay đổi khi lợi nhuận từ mảng an ninh hàng không hiện được chúng tôi ghi nhận tại mục thu nhập của Nhà nước thay vì bị loại bỏ khỏi LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo.
- * Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng lượng hành khách lần lượt là 2%/11%/11% trong các năm 2026/27/28. Chúng tôi lưu ý rằng dự báo từ năm 2026 trở đi đã loại trừ đóng góp từ Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc (PQC) và phản ánh giả định nhu cầu thận trọng trong bối cảnh cạnh tranh tại Trung Đông.

* Rủi ro: Chi phí trích lập dự phòng nợ xấu/chi phí đầu tư xây dựng cơ bản cao hơn kỳ vọng; tiến độ mở rộng sân bay chậm hơn kỳ vọng; lượng hành khách thấp hơn kỳ vọng; rủi ro pha loãng do việc đưa tài sản đầu tư của Nhà nước vào; rủi ro thông tin liên quan đến việc ACV bị điều tra dưới sự giám sát của Trung ương.

VCB: Đà tăng trưởng lợi nhuận vẫn được duy trì bất chấp các rủi ro vĩ mô - Cập nhật

Ngành	Ngân hàng		2025	2026F	2027F	2027F
Ngày báo cáo	18/05/2026	TT LN trước dự phòng	3,6%	18,8%	22,8%	20,3%
Giá hiện tại	60.700 VND	TT LNST-CĐT	4,0%	19,0%	19,0%	15,3%
Giá mục tiêu	78.500 VND	TT EPS	4,2%	19,0%	19,0%	15,3%
Giá mục tiêu gần nhất	73.500 VND	NIM	2,62%	2,75%	2,85%	2,90%
TL tăng	29,3%	TL nợ xấu	0,58%	0,65%	0,65%	0,70%
Lợi suất cổ tức	0,0%	TL chi phí/thu nhập	34,8%	34,0%	32,0%	29,5%
Tổng mức sinh lời	29,3%	P/B	2,2x	1,9x	1,6x	1,4x
		P/E	15,6x	13,1x	11,0x	9,6x
GT vốn hóa	507,6 nghìn tỷ đồng			VCB	Peers	VNI
Room KN	26,3 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		15,3x	8,3x	15,2x
GTGD/ngày (30n)	507,6 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,2x	1,4x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	74,8%	ROE		16,4%	17,5%	14,4%
SL cổ phiếu lưu hành	8,356 tỷ	ROA		1,5%	1,7%	2,0%
Pha loãng	8,356 tỷ					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA và tăng giá mục tiêu thêm 6,8% lên 78.500 đồng/cổ phiếu cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) do chúng tôi cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2027, trong khi phần lớn giữ nguyên dự báo tổng lợi nhuận giai đoạn 2026-2030.

* Nhờ tệp khách hàng vượt trội cùng nguồn vốn vững chắc, VCB có vị thế thuận lợi để đạt mức tăng trưởng tín dụng và lợi nhuận tích cực bất chấp các thách thức vĩ mô ngày càng gia tăng.

* VCB hiện đang giao dịch ở mức P/B trượt là 2,17 lần, cao hơn 51% so với mức P/B trung vị của các ngân hàng thương mại khác trong danh mục theo dõi của chúng tôi, so với mức chênh lệch trung bình 5 năm là 99%.

* **Yếu tố hỗ trợ:** (1) Phát hành riêng lẻ thành công.

* **Rủi ro:** (1) Tăng trưởng tín dụng thấp hơn kỳ vọng; (2) NIM thấp hơn kỳ vọng.

VPB: Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư - Cập nhật

Ngành	Ngân hàng		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	18/05/2026	TT LN trước dự phòng	16,9%	23,7%	21,1%	21,2%
Giá hiện tại	27.450 VND	TT LNST	52,0%	28,9%	20,1%	17,6%
Giá mục tiêu	38.000 VND	TT EPS	52,0%	28,9%	20,1%	17,6%
Giá mục tiêu gần nhất	38.000 VND	NIM	5,47%	5,29%	5,24%	4,98%
TL tăng	+38,4%	TL nợ xấu	3,33%	3,51%	3,70%	3,80%
Lợi suất cổ tức	1,8%	TL chi phí/thu nhập	25,0%	22,5%	23,0%	23,0%
Tổng mức sinh lời	+40,2%	P/B	1,3x	1,1x	1,0x	0,8x
		P/E	9,1x	7,0x	5,9x	5,0x
GT vốn hóa	218,3 nghìn tỷ đồng		VPB	Peers	VNI	
Room KN	11,8 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	8,3x	8,4x	15,7x	
GTGD/ngày (30n)	420,8 tỷ đồng	P/B (hiện tại)	1,2x	1,5x	2,2x	
Cổ phần Nhà nước	0%	ROE	15,8%	17,5%	15,1%	
SL cổ phiếu lưu hành	7,934 tỷ	ROA	2,3%	1,6%	2,2%	
Pha loãng	7,934 tỷ					

* Chúng tôi tiếp tục giữ nguyên giá mục tiêu ở mức 38.000 đồng/cổ phiếu đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB), do (1) tác động tích cực từ việc cập nhật thời gian định giá mục tiêu sang giữa năm 2027 và (2) mức điều chỉnh tăng 3% đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS lũy kế giai đoạn 2026–2030 của chúng tôi (tương ứng với các mức thay đổi +1%/+1%/+2%/+4%/+3% cho các năm 2026/27/28/29/30); tuy nhiên tác động từ các yếu tố tích cực này cũng bị giảm thiểu bởi (3) tác động tiêu cực từ việc giảm P/B mục tiêu.

* Nếu giả định VPB sẽ phát hành riêng lẻ 624,4 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài (tương đương 5,8% lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành) vào cuối năm 2026 với mức giá bằng giá mục tiêu giữa năm 2027 của chúng tôi, thì giá mục tiêu tương ứng của VPB sẽ ở mức 39.000 đồng/cổ phiếu. Dù mức giá phát hành hiện chưa được công bố, bất kỳ mức định giá phát hành nào cao hơn giả định đều có thể tạo thêm dư địa tăng cho kịch bản hiện tại của chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng giá trị chiến lược của thương vụ không chỉ nằm ở mức định giá cao hơn trong ngắn hạn.

* **Rủi ro:** NIM thấp hơn kỳ vọng; chi phí tín dụng cao hơn dự kiến; khả năng phải chịu phí chấm dứt hợp đồng với một đối tác bảo hiểm độc quyền (bancassurance) nếu VPB sở hữu một công ty bảo hiểm nhân thọ.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	69	0,0	13.000	25.500	96%	0,0%	96%	KQ	17/01/25	36,8	8,7	14,3	1,1
KDH	Bất động sản	24%	988	4,6	23.200	42.600	84%	0,0%	84%	MUA	11/05/26	26,2	17,3	18,5	1,4
DGC	Công nghiệp	44%	744	6,2	51.600	91.200	77%	5,8%	83%	MUA	02/03/26	6,9	6,6	14,3	1,3
NLG	Bất động sản	10%	482	2,2	26.200	45.800	75%	1,9%	77%	MUA	11/05/26	15,3	18,6	18,5	1,0
HVN	Hàng không	22%	2.509	0,5	21.250	37.100	75%	0,0%	75%	KQ	22/07/25	9,1	7,6	22,3	6,4
PC1	Điện & Nước	37%	276	7,6	17.650	30.500	73%	0,0%	73%	MUA	02/02/26	7,5	6,6	14,3	1,1
SZC	KCN	16%	175	0,6	25.550	42.400	66%	3,9%	70%	KQ	01/07/25	14,5	13,1	18,5	1,4
BMI	Bảo hiểm	22%	83	0,1	14.550	23.100	59%	3,4%	62%	MUA	12/04/24	9,7	5,8	12,8	0,7
FPT	CNTT	20%	4.843	32,2	74.900	116.600	56%	3,1%	59%	MUA	22/10/25	14,8	13,2	17,8	3,3
VGC	KCN	48%	745	1,3	43.800	66.800	53%	5,0%	58%	MUA	11/05/26	14,7	12,3	14,3	2,2
TV2	Điện & Nước	7%	83	0,6	32.500	49.000	51%	3,1%	54%	MUA	22/04/26	36,9	13,0	12,3	1,7
HPG	VLXD	27%	7.705	34,1	26.450	38.900	47%	1,9%	49%	MUA	12/05/26	13,4	8,0	14,6	1,5
SSI	Chứng khoán	68%	2.661	18,7	28.150	40.800	45%	3,6%	48%	KQ	27/08/25	14,2	15,4	17,8	1,8
HDG	Điện & Nước	32%	343	1,8	24.450	36.200	48%	0,0%	48%	MUA	23/03/26	13,2	10,8	18,5	1,3
MCH	Bán lẻ	85%	6.485	1,5	132.000	181.700	38%	4,5%	42%	PHTT	28/11/25	25,6	22,3	14,7	9,9
PVS	Dầu khí	33%	825	6,2	42.500	60.000	41%	0,0%	41%	MUA	08/05/26	14,9	14,7	18,5	1,4
NT2	Điện & Nước	38%	254	1,0	23.250	30.300	30%	10,8%	41%	MUA	26/02/26	6,9	6,3	11,5	1,3
PNJ	Bán lẻ	1%	1.257	4,9	64.700	88.900	37%	3,1%	40%	MUA	12/05/26	12,6	10,0	9,1	2,3
VPB	Ngân hàng	5%	8.266	19,4	27.450	38.000	38%	1,8%	40%	MUA	19/11/25	9,1	7,1	12,3	1,3
ACG	Gỗ	12%	194	0,0	33.900	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	14,6	1,2
MBB	Ngân hàng	0%	7.796	13,9	25.500	35.000	37%	2,0%	39%	MUA	13/03/26	8,2	6,5	12,3	1,4
ACB	Ngân hàng	5%	4.484	14,3	23.000	32.000	39%	0,0%	39%	MUA	05/03/26	7,7	6,3	12,3	1,2
BMP	VLXD	19%	480	1,2	154.500	192.500	25%	10,4%	35%	MUA	12/11/25	10,4	9,0	14,3	4,0
PLC	Dầu khí	49%	75	0,2	24.400	31.900	31%	4,1%	35%	MUA	12/09/25	145,2	7,8	14,3	1,6
SIP	KCN	47%	491	0,8	53.400	69.800	31%	3,7%	34%	MUA	22/12/25	10,6	10,0	18,5	2,4
FRT	Bán lẻ	17%	866	2,9	134.000	178.800	33%	0,7%	34%	MUA	13/11/25	28,8	20,3	11,6	5,1
KBC	KCN	40%	1.146	5,6	32.050	42.500	33%	0,0%	33%	MUA	13/03/26	14,3	10,1	18,5	1,2
DCM	Phân bón	39%	904	6,0	45.000	57.600	28%	4,4%	32%	MUA	10/03/26	13,2	8,5	14,3	2,1

MSN	Bán lẻ	75%	4.198	20,4	76.500	101.200	32%	0,0%	32%	MUA	21/05/25	26,9	26,0	12,3	3,0
IDC	KCN	32%	616	3,0	42.800	54.600	28%	4,7%	32%	MUA	17/03/26	8,5	8,2	18,5	2,4
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.356	1,9	48.400	59.000	22%	10,3%	32%	MUA	06/01/26	14,5	13,8	14,7	2,8
TLG	Văn phòng phẩm	89%	182	0,3	49.800	61.900	24%	7,0%	31%	MUA	12/09/25	10,7	8,1	9,1	2,0
PTB	Công nghiệp	9%	158	0,7	41.550	52.000	25%	5,1%	30%	KQ	06/10/25	5,5	7,2	14,6	1,2
HDC	Bất động sản	48%	144	1,5	19.000	24.600	29%	0,0%	29%	KQ	09/01/26	5,9	12,2	18,5	1,3
MWG	Bán lẻ	0%	4.403	24,4	79.000	101.000	28%	1,3%	29%	MUA	14/10/25	16,4	13,9	11,6	3,3
REE	Điện & Nước	0%	1.248	2,1	52.800	66.900	27%	1,9%	29%	MUA	22/04/26	13,0	11,4	12,3	1,6
QTP	Điện & Nước	-1%	209	0,2	12.200	14.600	20%	8,2%	28%	MUA	10/12/25	5,4	8,3	11,5	1,0
TCB	Ngân hàng	0%	9.144	17,9	34.000	42.600	25%	2,1%	27%	MUA	11/05/26	9,5	8,3	12,3	1,4
PVT	Dầu khí	35%	451	6,6	25.300	30.800	22%	4,0%	26%	MUA	13/03/26	12,0	8,2	12,3	1,3
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	503	2,8	59.000	71.600	21%	3,4%	25%	MUA	26/01/26	9,7	7,5	14,7	1,3
CTG	Ngân hàng	5%	10.701	12,0	36.300	44.900	24%	0,0%	24%	MUA	10/03/26	9,3	8,1	12,3	1,5
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.799	8,7	60.500	70.300	16%	6,6%	23%	MUA	24/04/25	13,4	14,4	14,7	3,9
HDB	Ngân hàng	5%	5.215	19,8	27.450	33.000	20%	1,8%	22%	MUA	06/03/26	7,6	6,5	12,3	1,7
GMD	GTVT	7%	1.290	5,3	79.700	93.900	18%	2,9%	21%	MUA	26/02/26	21,6	14,1	12,3	2,5
BWE	Điện & Nước	46%	366	0,5	43.900	51.600	18%	3,0%	21%	MUA	13/05/26	11,3	11,0	11,5	1,6
DPG	Điện & Nước	30%	186	1,4	41.400	48.700	18%	2,4%	20%	MUA	06/01/26	10,4	6,3	14,3	1,7
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	680	0,5	48.800	53.400	9%	8,2%	18%	KQ	30/08/24	9,3	7,0	14,7	1,7
DXG	Bất động sản	29%	671	9,1	15.900	18.700	18%	0,0%	18%	MUA	06/04/26	76,4	79,9	18,5	1,2
PPC	Điện & Nước	45%	119	0,1	9.790	11.000	12%	5,1%	17%	KQ	10/12/25	19,3	9,7	11,5	0,7
VCB	Ngân hàng	10%	20.042	19,2	63.200	73.500	16%	0,7%	17%	MUA	17/03/26	16,3	13,4	12,3	2,3
AST	DV Hàng không	3%	123	0,0	72.000	80.600	12%	4,9%	17%	MUA	26/08/25	13,0	12,5	11,6	4,7
POW	Điện & Nước	46%	1.665	8,6	14.300	16.700	17%	0,0%	17%	MUA	27/03/26	18,0	18,1	11,5	1,2
NVL	Bất động sản	44%	1.454	23,6	17.150	20.000	17%	0,0%	17%	MUA	01/10/25	19,9	95,8	18,5	0,8
DHC	Công nghiệp	15%	131	0,4	35.850	40.100	12%	3,6%	15%	MUA	16/12/25	8,8	8,5	14,6	1,5
DPM	Phân bón	45%	726	4,1	28.150	31.200	11%	4,3%	15%	PHTT	10/03/26	21,5	12,7	14,3	1,7
VIB	Ngân hàng	0%	2.080	4,5	16.100	18.500	15%	0,0%	15%	KQ	23/05/25	7,5	6,2	12,3	1,1
F88	Tài chính TT	42%	607	0,6	147.000	168.000	14%	0,0%	14%	KQ	21/01/26	22,5	16,4	#N/A	6,5

CTR	CNTT	44%	379	0,9	87.300	96.800	11%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,7	14,3	14,3	4,5
PVD	Dầu khí	39%	755	5,9	35.800	40.300	13%	0,0%	13%	MUA	09/04/26	22,1	17,8	18,5	1,2
ACV	Hàng không	47%	6.095	1,3	45.100	50.100	11%	0,0%	11%	PHTT	06/04/26	14,7	14,1	12,3	2,2
DGW	Bán lẻ	27%	353	2,5	42.000	45.400	8%	1,2%	9%	PHTT	18/11/25	16,9	15,0	11,6	2,6
SCS	DV Hàng không	19%	188	0,2	52.200	51.200	-2%	10,5%	9%	PHTT	13/01/26	6,6	7,1	22,3	3,0
BID	Ngân hàng	12%	12.517	13,8	45.300	48.800	8%	0,0%	8%	MUA	01/04/26	11,9	10,7	12,3	1,8
GEX	Điện & Nước	41%	1.738	20,6	35.000	37.300	7%	1,0%	8%	MUA	30/12/25	29,9	33,5	12,3	2,4
TDM	Điện & Nước	49%	244	0,1	57.900	60.600	5%	2,2%	7%	KQ	13/05/26	33,3	32,3	11,5	2,4
VTP	GTVT	45%	448	1,4	68.200	69.000	1%	2,2%	3%	PHTT	06/09/24	23,8	20,0	12,3	6,7
GAS	Dầu khí	47%	8.517	6,4	93.000	93.600	1%	2,7%	3%	MUA	14/04/26	20,1	18,2	11,5	3,2
PHR	Công nghiệp	35%	362	0,9	70.300	71.300	1%	1,9%	3%	MUA	25/03/26	22,1	10,1	14,3	2,2
VEA	Ô-tô	48%	1.731	0,3	34.600	30.800	-11%	13,9%	3%	PHTT	28/10/25	6,3	6,5	12,3	1,6
TPB	Ngân hàng	6%	1.632	5,2	15.500	15.800	2%	0,0%	2%	MUA	27/05/25	5,8	5,7	12,3	1,0
DXS	Bất động sản	43%	186	1,0	8.480	8.300	-2%	0,0%	-2%	KQ	06/04/26	15,5	14,6	18,5	0,8
NKG	VLXD	45%	233	2,0	13.700	13.100	-4%	0,0%	-4%	PHTT	18/04/25	31,1	10,6	14,6	0,8
PLX	Xăng dầu	6%	2.177	6,5	45.150	41.100	-9%	2,7%	-6%	MUA	13/10/25	23,4	19,6	18,5	2,3
VRE	Bất động sản	36%	2.855	13,6	33.100	30.700	-7%	0,0%	-7%	KQ	30/03/26	11,7	13,8	18,5	1,5
HSG	VLXD	46%	368	2,1	12.000	10.400	-13%	4,2%	-9%	PHTT	18/04/25	15,5	16,5	14,6	0,9
BSR	Lọc hóa dầu	47%	6.357	16,2	33.450	27.000	-19%	2,1%	-17%	PHTT	18/03/26	32,3	10,2	18,5	2,4
BVH	Bảo hiểm	22%	2.020	2,1	71.700	56.900	-21%	1,3%	-19%	KQ	26/05/25	17,9	17,0	12,8	2,1
VHM	Bất động sản	42%	24.007	46,7	154.000	122.600	-20%	0,0%	-20%	KQ	30/03/26	15,1	14,6	18,5	2,4
GVR	Công nghiệp	12%	5.966	5,6	39.300	30.500	-22%	1,0%	-21%	KQ	31/12/25	29,5	25,7	14,3	2,7
LPB	Ngân hàng	4%	5.930	3,1	52.300	39.300	-25%	1,9%	-23%	KKQ	18/11/25	13,8	14,4	12,3	3,2
STB	Ngân hàng	18%	5.159	19,5	72.100	55.400	-23%	0,0%	-23%	KQ	08/12/25	22,9	11,6	12,3	2,2
OIL	Dầu khí	6%	653	1,9	17.000	12.700	-25%	0,6%	-25%	KQ	17/10/25	41,5	37,5	18,5	1,6
VJC	Hàng không	24%	3.842	28,7	171.100	114.000	-33%	0,0%	-33%	KQ	15/03/24	47,7	19,2	22,3	3,9
VIC	Bất động sản	45%	65.806	48,0	225.000	101.600	-55%	0,0%	-55%	BÁN	30/03/26	148,1	152,8	18,5	11,7

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	140.982	2.711	18	15,2	12,1	10,1	15,1	1,8	22,6	18,1	14,5	1,9	2,8%
KHẢ QUAN	20	54.514	2.726	7	18,3	15,9	13,8	14,3	2,3	25,3	19,8	15,2	2,4	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	22.983	2.298	0	20,4	18,1	12,9	19,4	2,7	33,5	19,4	13,5	3,2	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.930	5.930	0	16,9	13,8	14,4	10,4	3,2	16,9	13,8	14,4	3,2	1,9%
BÁN	1	65.806	65.806	1	140,6	148,1	152,8	66,9	11,7	140,6	148,1	152,8	11,7	0,0%
TỔNG CỘNG	84	290.215	3.455	26	20,5	16,8	14,2	16,4	2,4	25,9	20,1	16,2	2,3	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	92.964	7.747	11	12,3	10,6	8,9	12,4	1,6	11,7	10,8	8,7	1,7	0,9%
Bảo hiểm	2	2.103	1.052	1	23,5	17,4	15,8	14,3	2,0	17,5	13,8	11,4	1,4	2,3%
Chứng khoán	1	2.661	2.661	1	22,5	14,2	15,4	20,6	1,8	22,5	14,2	15,4	1,8	3,6%
Tài chính thay thế	1	607	607	0	46,1	22,5	16,4	25,7	6,5	46,1	22,5	16,4	6,5	0,0%
Tiêu dùng	13	28.191	2.169	4	18,2	15,8	14,5	19,8	3,4	23,2	16,0	13,8	3,4	4,8%
CNTT	1	4.843	4.843	1	17,5	14,8	13,2	23,0	3,3	17,5	14,8	13,2	3,3	3,1%
Bất động sản	9	96.594	10.733	2	61,8	39,2	40,0	23,1	4,5	41,6	37,1	46,6	2,5	0,2%
Vật liệu	4	8.786	2.196	1	17,0	13,5	8,3	19,1	1,4	15,0	17,6	11,0	1,8	4,1%
Điện & Nước	12	6.732	561	1	23,1	14,9	14,0	18,0	1,5	28,6	17,1	14,0	1,5	3,1%
Dầu khí	10	21.441	2.144	2	30,8	22,3	13,9	21,7	2,4	44,2	34,6	15,5	1,9	2,5%
Công nghiệp	5	1.297	259	0	8,5	7,6	7,1	12,0	1,2	13,9	13,7	7,9	1,2	3,9%
Khu công nghiệp	7	9.500	1.357	1	27,0	19,8	16,4	19,5	2,2	26,0	16,3	12,8	2,1	2,9%
GTVT & Logistics	7	14.495	2.071	1	14,4	16,3	13,0	18,0	3,0	20,0	19,5	13,5	4,2	2,9%
TỔNG CỘNG	84	290.215	3.455	26	20,5	16,8	14,2	16,4	2,4	25,9	20,1	16,2	2,3	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	17%	23%	MUA		KQKD quý 1/2026 cơ bản phù hợp với kỳ vọng; nền tảng huy động vốn bền vững hỗ trợ triển vọng ổn định cả năm
BID	13%	11%	MUA		Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 tương đối tốt nhưng NIM gây thất vọng
CTG	65%	15%	MUA		NIM tiếp tục hồi phục tốt; chất lượng tài sản được duy trì vững chắc
HDB	19%	17%	KQ		ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM
LPB	-10%	-4%	KKQ		Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng
MBB	14%	21%	MUA		Chi phí được kiểm soát tốt bù đắp cho thu nhập ngoài lãi yếu và thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ so với quý trước
STB	-43%	97%	MUA		Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY
TCB	12%	18%	MUA		Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi
TPB	0%	3%	MUA		Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu
VCB	10%	21%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục phục hồi
VIB	16%	22%	KQ		NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	59%		MUA		Tăng trưởng tín dụng hai con số và thu nhập phí mạnh mẽ thúc đẩy lợi nhuận; các chỉ số nợ xấu tăng nhẹ QoQ nhưng vẫn ở gần mức thấp trong nhiều năm
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-12%	68%	MUA		
BVH	19%	5%	KQ		Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng vượt trội; thu nhập tài chính vững mạnh, mức dự phòng kỹ thuật thấp hỗ trợ khả năng sinh lời
SSI	52%	-7%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay kỳ quỹ cải thiện
F88	125%	37%	KQ		KQKD đang vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng cho vay mạnh mẽ dù trong mùa thấp điểm quý 1
Tiêu dùng					
CTR	23%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CBTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng
DGW	88%	17%	PHTT		LNST sau lợi ích CBTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%	15%	MUA		LNST sau lợi ích CBTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo

FRT	71%	51%	MUA		Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng
MSN (2)	101%	42%	MUA		Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử
MCH	12%	15%	PHTT		Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số
MWG	76%	18%	MUA		LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2.9%
PNJ	117%	26%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%	KQ		Triển vọng mảng sữa thực vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB	51%	5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động
TLG	19%	20%	MUA		Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực
VEA	38%	-1%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VHC	38%	25%	MUA		Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo
VNM	25%	6%	MUA		Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
GTVT & Logistics					
ACV	-5%	3%	PHTT		Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng
AST	85%	6%	MUA		KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo
GMD (2)	32%	31%	MUA		Khởi đầu thuận lợi bằng KQKD tích cực trong quý 1; nhưng triển vọng các quý tiếp theo còn phụ thuộc vào biến động tại Trung Đông
HVN	-8%	19%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá
SCS	2%	-6%	PHTT		KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3
VJC	58%	N.A	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng
VTP	-30%	42%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao
Bất động sản					
DXG	-37%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	7%	KQ		Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDC	277%	-51%	KQ		KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bán giao BĐS cải thiện
NVL	N.M.	-79%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 vượt dự báo cả năm 2026; tiềm năng tăng dự báo
KDH	130%	52%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn, lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng

NLG	-51%	-18%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS tăng tốc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi
VHM	850%	3%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS và doanh số bán BĐS ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi giao dịch bán lô lớn tại Green Paradise, Ocean Park 2&3
VIC	2%	-3%	BÁN		Lợi nhuận mảng BĐS tăng trưởng mạnh, mảng khách sạn nghỉ dưỡng cải thiện, khoản tài trợ từ Chủ tịch hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026
VRE	36%	-15%	KQ		Lợi nhuận cho thuê bán lẻ duy trì ổn định; chuyển nhượng BĐS đầu tư không cốt lõi và doanh thu tài chính thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026
Khu công nghiệp					
GVR	90%	15%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác rộng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	4%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 giảm so với cùng kỳ do lượng bàn giao đất KCN thấp hơn nhưng dòng tiền từ KCN vẫn duy trì ổn định
KBC	-77%	42%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 giảm do bàn giao đất KCN thấp hơn; backlog chưa ghi nhận doanh thu vẫn ở mức cao
PHR	192%	118%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiến đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	6%	MUA		Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	11%	KQ		Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	32%	26%	MUA		Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo
BMP	6%	15%	MUA		Lợi nhuận quý 1 tiếp tục duy trì ở mức cao trong lịch sử, tăng trưởng so với cùng kỳ quý trước và cùng kỳ năm trước
DGC	-50%	23%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
DHC	53%	3%	MUA		Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm
HPG	169%	68%	MUA	MUA	Lợi nhuận năm 2026 dự kiến tăng mạnh nhờ việc ghi nhận khoản lãi một lần và KQKD tích cực của mảng thép
HSG (1)	-42%	-5%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
PTB	10%	-19%	KQ		KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026
STK	-167%	231%	KQ		Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
Điện & Nước					
BWE (2)	20%	-8%	MUA	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo

GEX	5%	-10%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao
HDG	-68%	22%	KQ	Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 lần át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW	170%	-1%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng
PPC	83%	99%	KQ	LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm
REE	17%	17%	MUA	Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	65%	MUA	Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC	-33%	12%	MUA	Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo
Dầu khí				
BSR	1970%	215%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)	91%	55%	MUA	Tồn kho cao cuối Q1 hỗ trợ KQKD Q2; có tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS
DPM	96%	70%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2
GAS	7%	10%	MUA	Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo
OIL (2)	1958%	39%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)	-754%	19%	MUA	Giá sản phẩm xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh, kích hoạt trích lập dự phòng hàng tồn kho, dẫn đến khoản lỗ trong quý 1/2026
PLC	-68%	834%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi
PVD (2)	277%	55%	MUA	MUA LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3.7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng

PVS (2)	33%	7%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng
PVT (2)	32%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.927,9	6,3
VN 30	2.046,4	-4,2
VN Mid	2.243,8	1,5
VNSmall	1.393,0	0,5

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	259,3	1,8
HNX30	536,2	4,6
VNX Allshare	3.069,1	-6,6

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	125,9	-0,5

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.855,2	10,7%
Khối ngoại mua	2.293,1	8,6%
Khối ngoại bán	2.908,0	10,9%
Tổng giao dịch	26.697,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	278,8	14,4%
Khối ngoại mua	115,3	5,9%
Khối ngoại bán	150,9	7,8%
Tổng giao dịch	1.939,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	34,9	5,2%
Khối ngoại mua	10,7	1,6%
Khối ngoại bán	54,5	8,1%
Tổng giao dịch	671,6	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PLX	2.950	7,0%
BVH	4.600	6,9%
PVD	2.100	6,2%
BID	2.350	5,5%
BSR	1.700	5,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PLC	2.000	8,9%
CAP	3.600	8,6%
VC7	600	7,1%
PVC	1.100	7,0%
IDJ	300	6,8%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
OIL	1.136	7,3%
ILS	1.729	7,1%
VGI	6.116	6,9%
HNG	442	5,7%
TVI	1.099	4,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CTD	-3.400	-4,4%
PNJ	-2.600	-3,9%
MWG	-3.000	-3,7%
HHP	-450	-3,1%
ELC	-450	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NDN	-300	-2,7%
IDC	-1.100	-2,5%
VGS	-400	-1,7%
VFS	-200	-1,5%
PCH	-300	-1,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SGI	-725	-7,0%
VIW	-1.458	-5,5%
DSH	-802	-4,6%
HAC	-424	-4,5%
TIN	-4.899	-3,7%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VJC	1.784
FPT	1.421
VCB	1.273
MWG	1.031
VHM	837

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
PVS	459
SHS	399
CEO	232
HUT	227
MBS	189

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VGI	249
OIL	151
HNG	135
MSR	114
ACV	93

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
RYG	2.401.220	122.575
TDM	517.801	65.519
GSP	386.783	93.141
SHI	2.691.403	683.447
BCM	1.374.043	394.224
BWE	818.375	295.467
PLX	11.452.113	4.339.367
VTP	1.427.879	549.538
PVD	12.017.106	4.824.264
CTR	719.471	289.102

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PLC	1.601.095	265.585
VC7	523.399	99.136
PVB	419.529	100.960
ITQ	257.140	67.412
MBS	9.518.868	2.647.601
TTH	188.325	53.744
IDJ	1.668.727	523.830
PSI	753.747	274.148
PVS	10.707.042	4.179.903
TVC	147.209	60.073

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
MZG	1.448.004	292.724
VGI	2.612.249	558.594
OIL	9.059.501	3.361.555
KVC	396.924	148.445
ACV	2.075.784	784.069
VGT	1.131.350	435.327
HNG	16.639.368	6.571.610
FOX	585.960	253.376
VHG	409.330	187.976
DDV	1.149.936	547.539

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.785,0		13,8	2,1	17,4
TCX	4.430,5	90,2	18,9	2,6	14,4
VCK	3.091,2	96,1	18,7	2,7	19,1
SSI	2.661,5	67,7	13,1	1,8	13,9
VPX	1.974,8	95,3	12,3	1,5	14,0
VIX	1.766,9	91,8	5,9	2,2	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	643,8		12,5	1,6	13,3
BVH	2.020,1	21,9	18,0	2,1	12,1
PVI	720,1	43,2	14,4	2,2	15,4
BIC	178,7	7,9	9,9	1,4	14,9
VNR	156,9	22,7	8,8	1,0	11,6
MIG	143,3	84,0	11,6	1,4	12,4

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.044,3		21,1	4,2	22,6
ACV	6.094,8	47,1	15,0	2,2	15,7
GEE	2.912,2	48,7	22,7	10,0	45,2
MVN	2.745,5	0,0	30,8	4,9	16,9
GEX	1.738,1	41,5	30,7	2,4	8,8
VEA	1.731,0	47,6	6,0	1,6	26,3

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.818,9		16,5	4,4	27,3
MCH	6.485,1	84,6	24,7	9,9	40,3
VNM	4.798,9	51,1	12,3	3,9	31,7
MSN	4.198,1	74,9	23,4	3,0	14,4
SAB	2.356,0	41,5	12,9	2,8	22,0
PNJ	1.256,6	0,8	9,1	2,3	28,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.153,5		18,3	1,8	11,5
BSR	6.357,0	47,4	12,8	2,4	21,5
PLX	2.177,3	5,7	32,3	2,3	7,0
PVS	824,9	32,9	11,2	1,4	13,1
PVD	755,3	39,1	16,7	1,2	7,1
OIL	653,0	6,3	18,6	1,6	8,6

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.651,1		14,2	2,3	17,0
GAS	8.516,9	46,9	19,3	3,2	17,3
POW	1.665,0	45,6	12,8	1,2	9,2
REE	1.248,3	0,0	12,5	1,6	12,8
PGV	1.023,4	50,0	6,2	1,5	26,2
DNH	801,7	0,0	20,1	3,9	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	19.546,8		38,6	4,5	26,9
VIC	65.806,0	44,7	149,4	11,7	8,0
VHM	24.007,2	42,2	9,8	2,4	27,8
KSF	2.858,4	50,0	6,0	4,3	68,2
VRE	2.854,6	36,4	10,9	1,5	14,6
BCM	2.207,6	33,1	17,1	2,7	15,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.133,9		10,0	1,6	17,6
VCB	20.042,5	10,0	14,7	2,3	16,1
BID	12.516,6	12,4	10,3	1,8	18,4
CTG	10.700,6	4,8	7,4	1,5	21,9
TCB	9.144,2	0,1	9,3	1,4	15,6
VPB	8.265,8	5,4	8,3	1,3	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.554,6		30,1	4,6	49,8
VPL	6.152,8	47,2	64,4	4,3	6,9
MWG	4.402,8	0,0	14,2	3,3	25,4
VJC	3.841,8	23,7	39,9	3,9	10,1
HVN	2.509,5	21,7	7,0	6,4	181,3
FRT	866,1	17,2	25,0	5,1	25,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.818,9		16,5	4,4	27,3
HPG	6.485,1	26,7	24,7	9,9	40,3
GVR	4.798,9	12,4	12,3	3,9	31,7
MSR	4.198,1	99,8	23,4	3,0	14,4
KSV	2.356,0	0,0	12,9	2,8	22,0
DCM	1.256,6	38,9	9,1	2,3	28,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.153,5		18,3	1,8	11,5
DHG	6.357,0	46,0	12,8	2,4	21,5
IMP	2.177,3	5,2	32,3	2,3	7,0
DHT	824,9	9,2	11,2	1,4	13,1
DVN	755,3	0,0	16,7	1,2	7,1
DBD	653,0	84,4	18,6	1,6	8,6

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.651,1		14,2	2,3	17,0
FPT	8.516,9	20,3	19,3	3,2	17,3
CMG	1.665,0	13,0	12,8	1,2	9,2
SAM	1.248,3	48,5	12,5	1,6	12,8
SGT	1.023,4	-5,5	6,2	1,5	26,2
ELC	801,7	46,8	20,1	3,9	19,3

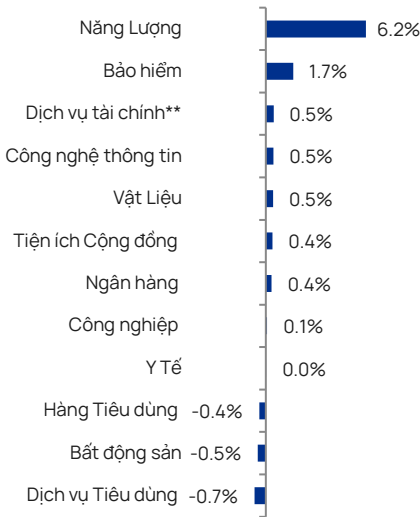
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

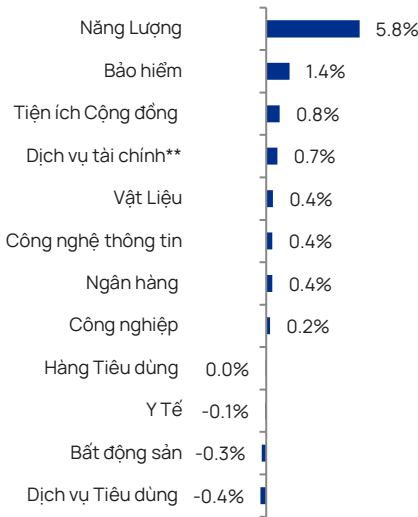
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



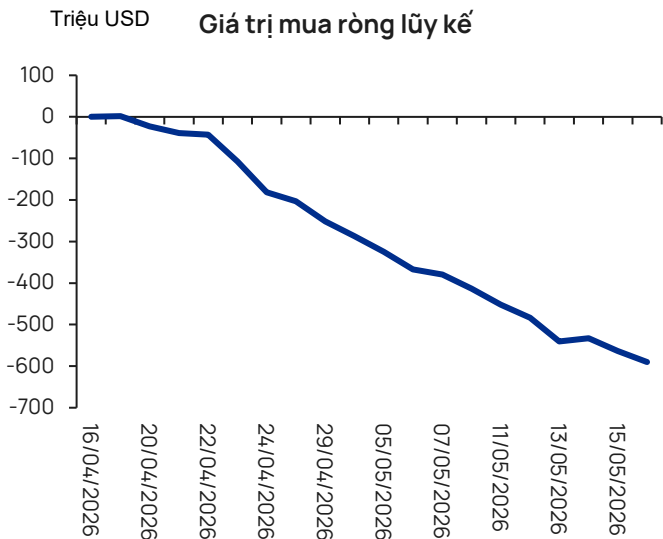
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



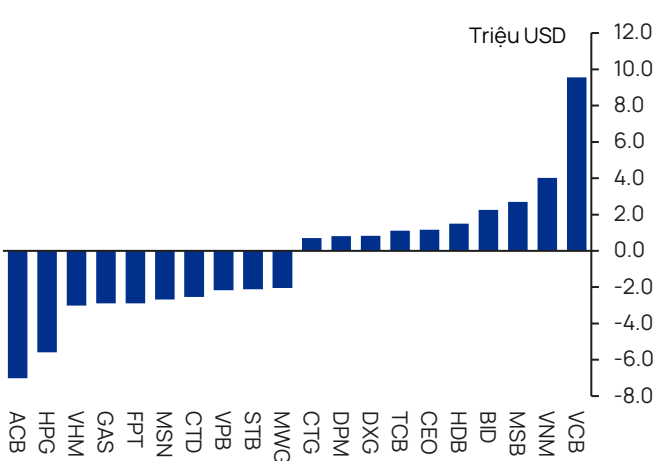
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.047,5	-6,4	-0,3%	1,1
VN30F2M	2.049,0	0,1	0,0%	2,6
VN30F1Q	2.044,8	-6,6	-0,3%	-1,6
VN30F2Q	2.043,5	-4,1	-0,2%	-2,9
VN100F1M	1.984,9	9,6	0,5%	6,5
VN100F2M	1.982,0	-3,5	-0,2%	3,5
VN100F1Q	1.971,9	0,1	0,0%	-6,5
VN100F2Q	1.971,0	-17,7	-0,9%	-7,5

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	32.011	-2,6%	200,28	4,3%
VN30F2M	5.943	57,3%	2,84	56,2%
VN30F1Q	371	5,1%	0,09	56,9%
VN30F2Q	60	13,2%	0,01	-43,8%
VN100F1M	28	3,7%	0,01	-62,1%
VN100F2M	13	-13,3%	0,00	-62,5%
VN100F1Q	12	0,0%	0,00	0,0%
VN100F2Q	9	0,0%	0,00	-85,7%

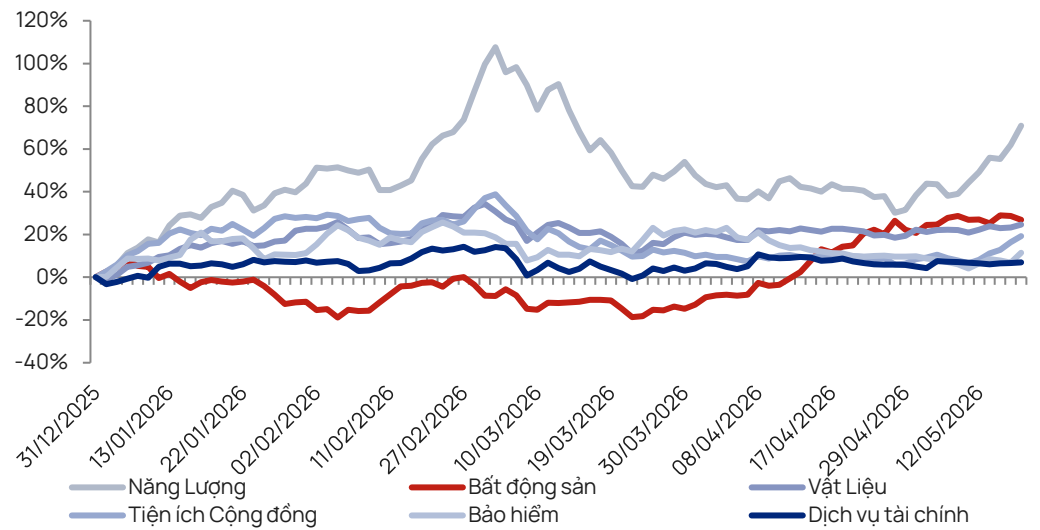


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

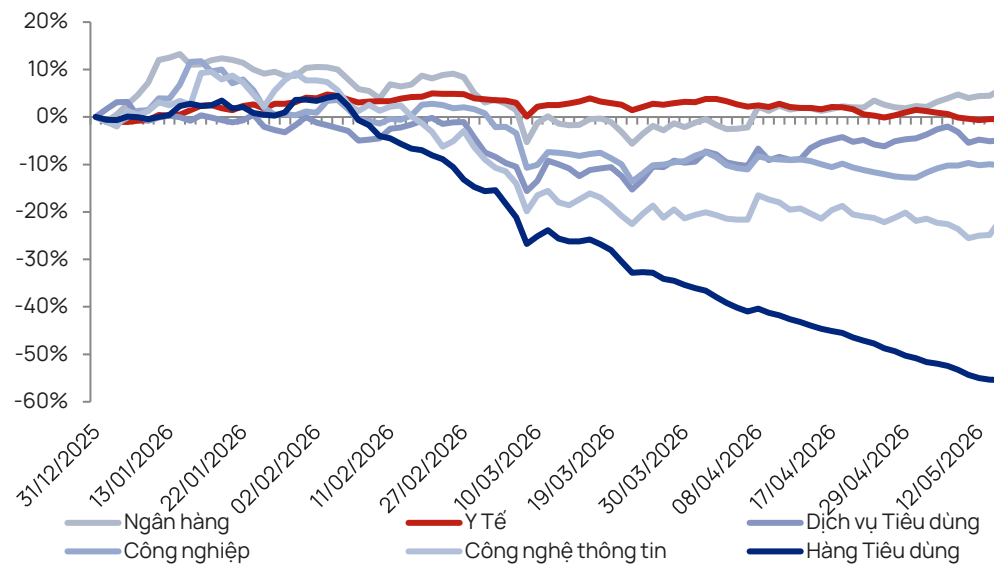
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



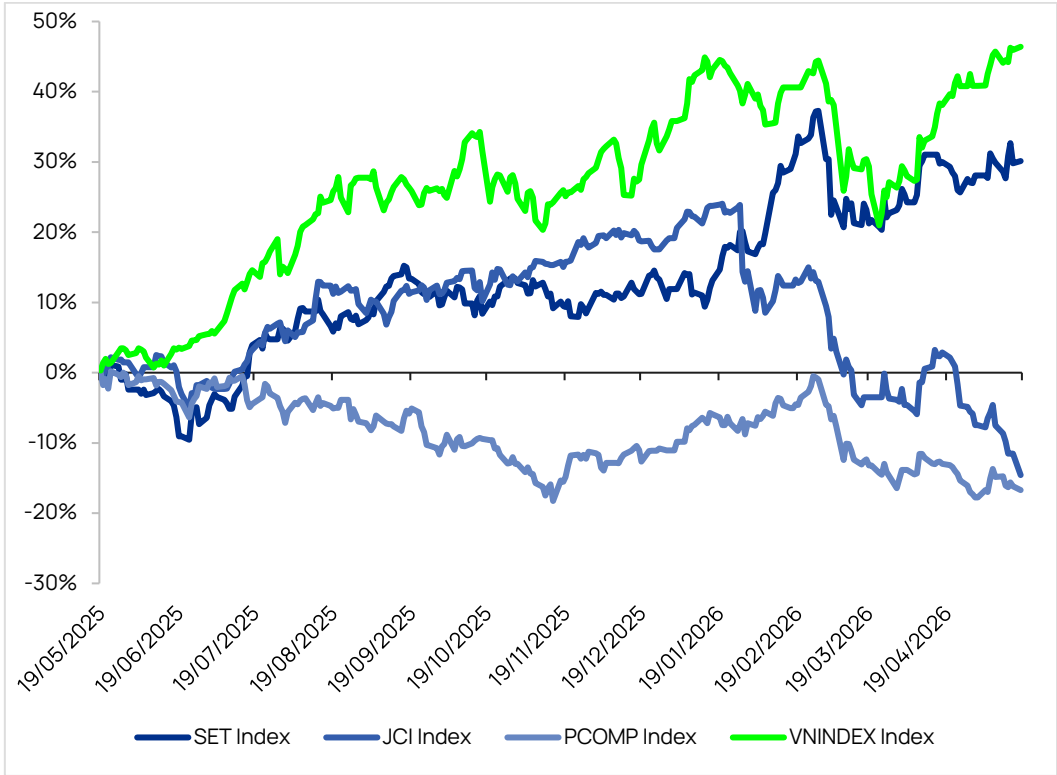
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



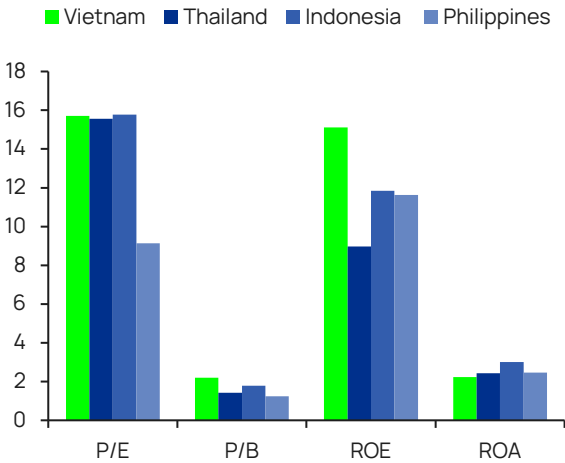
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,6	15,8	9,1	15,7
P/B	1,4	1,8	1,2	2,2
ROE (%)	9,0	11,9	11,6	15,1
ROA (%)	2,4	3,0	2,5	2,2
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	599,0	664,1	141,6	343,5
GTGD trung bình, tr USD	1.419,9	1.141,7	81,7	1.035,1
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	779,9	-2.415,2	-70,7	-1.955,7
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	222,5	(140,7)	3,7	(103,7)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,62%	6,74%	7,12%	4,05%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.